

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Bích Th

Bà Phạm Thị B

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 402/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: C B, xã T, huyện T, thành phố H; nơi tạm trú: Số 1/82 P, Đ 1, quận H, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 10A/95 đường V, phường M, quận N, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố H ngày 22/11/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Chị T và anh V đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V có một con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017. Chị T đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Hải Đ cho chị T nuôi vì hiện nay chị là giáo viên, có kỹ năng sư phạm, cháu Đ đã hơn 5 tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, trong thời gian ly thân chị T vẫn tạo điều kiện để anh V được quan tâm, chăm sóc con. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn V trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố H ngày 22/11/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đồng ý ly hôn với cô Thủy.

- Về việc nuôi con: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T có một con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con. Vì hiện nay anh đang ăn ở cùng với bố mẹ đẻ, có nơi ở ổn định, làm việc tại Công ty TNHH Khánh Hoàng Hải Phong, thu nhập ổn định, có thời gian đưa đón con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 25/4/2023, chị T và anh V thống nhất thuận tình ly hôn. Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V đều đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017. Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Về việc chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn; về việc nuôi con, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Anh V đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi; không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về việc nuôi con: Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017 cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận N, thành phố H quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị T và anh V qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện quá trình chung sống giữa Thủy và anh V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Chị T và anh V hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[3] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V có một con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017. Xét thực tế, chị T và anh V đều có công việc, thu nhập ổn định nhưng không có nhà riêng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh V vẫn sống cùng nhà với bố mẹ đẻ, còn chị T tự thuê nhà ở riêng cùng với cháu Đăng. Xét thực tế, cháu Đăng hiện còn nhỏ và đang sống với mẹ; chị T là giáo viên nên có thời gian chăm sóc con; khi nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị T vẫn tạo điều kiện để anh V được quan tâm, chăm sóc con nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con Nguyễn Hải Đ cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của cả hai bên và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 71, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[4] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[5] Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về việc nuôi con: Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006852 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn anh Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đường sự;
- UBND phường M, quận N, thành phố H (ĐKKH ngày 22/11/2017);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu P